

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **323**/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K13-SN07/2026

Hà Nội, ngày **10** tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng khóa K13-SN07/2026 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn đối với lao động mới: 920.000 đồng.

Người lao động thuộc dự án Công nghiệp gốc không đào tạo bổ túc tiếng Hàn vì vậy không cần chuẩn bị khoản tiền này.

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;

+ Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **14h00 Thứ Hai ngày 20/04/2026;**

- Thời gian đào tạo: từ ngày **21/04** đến ngày **11/05/2026;**

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội).



2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động mang theo điện thoại thông minh có thể kết nối internet và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

+ Người lao động cần kiểm tra chính xác thông tin địa chỉ cư trú theo đơn vị hành chính mới trên ứng dụng VneID.

+ Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn thủ tục ký số đối với Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS và Hợp đồng ký quỹ trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm

chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **20/04/2026** theo tài khoản sau:

- + Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
- + Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
- + Số tài khoản: 1440201030194
- + Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

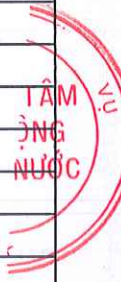


Phạm Ngọc Lan

DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K13-SN07/2026

(Kèm theo Công văn số **323/TTLĐNN-TCLĐ** ngày **10/04/2026** của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
1	50531735	Nguyễn Thị Dung	12/08/1991	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-01	
2	50531761	Nông Thị Thùy Linh	02/06/2004	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-02	
3	50531787	Lý Văn Chắp	02/09/1988	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-03	
4	50531790	Lê Thị Hương	07/07/1995	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-04	
5	50531792	La Thị Nga	10/03/1993	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-05	
6	50531830	Nịnh Văn Thuận	30/07/2002	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-06	
7	50531858	Lục Thị Hợp	03/07/1991	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-07	
8	50531864	Đặng Văn Đăng	10/03/1996	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-08	
9	50531867	Lý Văn Bình	12/08/1986	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-09	
10	50531877	Cao Thị Tuyền	16/06/1991	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-10	
11	50370523	Nông Văn Hưng	17/05/1998	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-11	
12	50370552	Vũ Hồng Sơn	22/07/1994	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-12	
13	50370668	Nguyễn Khánh Hà	02/04/1987	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-13	
14	50370670	Ngọc Thị Yến	05/05/1998	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-14	
15	50370702	Đặng Thị Hạnh	12/04/2002	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-15	
16	50370710	Thân Văn Cương	10/08/1990	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-16	
17	50370780	Vi Văn Thoát	11/11/1990	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-17	
18	50201075	Đặng Văn Quân	01/12/1987	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-18	
19	50201082	Nguyễn Đức Chính	05/11/1993	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K13SN07-19	
20	50506900	Đinh Thị Kiều	25/06/1991	Nữ	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K13SN07-20	
21	50530297	Trương Văn Tiến	03/06/1999	Nam	Cao Bằng	Cao Bằng	K13SN07-21	
22	50201430	Trần Quỳnh Anh	25/11/1997	Nữ	Điện Biên	Điện Biên	K13SN07-22	
23	50534602	Trần Thị Hòa	17/03/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-23	
24	50534605	Trần Thị Hồng Nhung	06/06/1993	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-24	
25	50534618	Nguyễn Thị Liên	02/07/1993	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-25	
26	50534644	Phan Thị Nhân	02/10/1991	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-26	
27	50534645	Trần Thị Diệp Thanh	09/06/1997	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-27	
28	50534667	Lê Thị Hương	02/07/1993	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-28	
29	50534676	Nguyễn Thị Mỹ Thơ	22/06/1998	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K13SN07-29	
30	50502268	Phạm Thị Duyên	10/09/1992	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K13SN07-30	
31	50801877	Bùi Văn Thái	23/06/1997	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K13SN07-31	
32	51001101	Nguyễn Tuấn Anh	24/11/2003	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K13SN07-32	CNG 2025
33	50370264	Hoàng Thị Hương	16/04/1998	Nữ	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K13SN07-33	
34	50200489	Hoàng Thị Tuyền	29/01/1990	Nữ	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K13SN07-34	
35	50804933	Lương Thị Kim Loan	15/05/2006	Nữ	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K13SN07-35	
36	50370190	Lù Văn Hôi	09/11/1990	Nam	Lào Cai	Lào Cai	K13SN07-36	
37	50804146	Lê Đức Long	30/03/2001	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K13SN07-37	
38	50804157	Lê Văn Hải	29/01/2002	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K13SN07-38	
39	50310463	Dương Thị Lan Hương	19/02/2002	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K13SN07-39	
40	50811375	Phạm Đức Huy	08/07/2000	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K13SN07-40	
41	50371668	Lương Thị Hiền	23/06/1997	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-41	



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
42	50371680	Nguyễn Thị Thanh	24/02/1994	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-42	
43	50371688	Mạch Quang Vương	07/02/1993	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-43	
44	50373050	Hoàng Phạm Hùng	22/10/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-44	
45	50373160	Trần Thị Phương	19/10/1992	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-45	
46	50202914	HOÀNG THỊ LIỆU	08/08/1995	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-46	
47	50203000	TRẦN THỊ VÂN ANH	10/09/2000	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-47	
48	50203027	Trần Văn Quân	20/07/1991	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-48	
49	50203061	NGUYỄN XUÂN TIẾN	17/03/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-49	
50	50203104	LÊ MINH HÙNG	04/12/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-50	
51	50824696	NGUYỄN ĐỨC LINH	19/01/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-51	
52	50824719	NGUYỄN QUANG DŨNG	16/10/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-52	
53	50824968	PHẠM VĂN HOÀNG	25/10/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K13SN07-53	
54	50531326	Lê Ngọc Thủy	14/01/1994	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K13SN07-54	
55	50531328	Hà Thị Khuyến	02/01/1989	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K13SN07-55	
56	50370427	Lê Thị Lý	01/06/1996	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K13SN07-56	
57	50370467	Đinh Thị Diệp	06/09/1991	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K13SN07-57	
58	50200868	Hà Thị Loan	25/05/1990	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K13SN07-58	
59	50203791	Nguyễn Ngọc Tiến	18/10/1997	Nam	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	K13SN07-59	
60	50308031	Phạm Trường Vĩ	22/05/2003	Nam	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	K13SN07-60	
61	50330366	Trần Thị Quỳnh	26/10/1993	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K13SN07-61	Bổ trí lại
62	50203507	Nguyễn Thị Ty	10/08/2001	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K13SN07-62	
63	50305922	Trần Ngọc Tấn	16/04/2005	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K13SN07-63	
64	50830153	Nguyễn Văn Hưởng	09/05/2004	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K13SN07-64	
65	50830160	Trần Văn Long	22/04/1996	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K13SN07-65	
66	50830170	Nguyễn Tư Lâm	12/06/2004	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K13SN07-66	
67	50203608	Trần Minh Tuấn	06/05/1993	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K13SN07-67	
68	50203619	Trần Thị Lương	26/11/1997	Nữ	Quảng Trị	Quảng Trị	K13SN07-68	
69	50832343	Nguyễn Đức Nhật Vinh	23/08/2001	Nam	TP Huế	Tp Huế	K13SN07-69	
70	50832371	Trần Văn Triều	25/11/2000	Nam	TP Huế	Tp Huế	K13SN07-70	
71	50370052	Bàn Thị Ánh	23/07/1994	Nữ	Hà Giang	Tuyên Quang	K13SN07-71	
72	50370325	Đặng Minh Duy	10/02/1990	Nam	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K13SN07-72	
73	50370226	Triệu Thị Nhung	27/09/1992	Nữ	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K13SN07-73	
74	50370240	Ma Văn Chương	13/12/1996	Nam	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K13SN07-74	
75	50371099	Bàn Thị Huyền	17/10/1991	Nữ	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K13SN07-75	
76	50533034	Phạm Thị Mai	19/08/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-76	
77	50533068	Bùi Thị Quỳnh	15/04/1993	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-77	
78	50533073	Lương Thị Minh Ánh	01/08/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-78	
79	50533127	Lò Thị Hân	16/04/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-79	
80	50533165	Nguyễn Thị Ánh	03/08/1992	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-80	
81	50533258	Vi Thị Thủy	26/08/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-81	
82	50533465	Đinh Trường Giang	06/10/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-82	
83	51034161	Hà Văn Inh	05/11/1983	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-83	
84	51034921	Lê Phạm Tuấn	04/08/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-84	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV	Ghi chú
85	51035003	Lê Công Lâm	04/03/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-85	
86	50371118	Mai Thị Trang	10/08/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-86	
87	50371122	Lê Thị Phương	21/03/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-87	
88	50371127	Nguyễn Đình Hải	03/05/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-88	
89	50371163	Lương Thị Nga	03/12/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-89	
90	50371175	Hà Thị Linh	10/05/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-90	
91	50371240	Bùi Thị Hằng	03/02/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-91	
92	50371270	Phạm Thị Thỉnh	14/04/1997	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-92	
93	50371328	Lò Thị Hồng	18/05/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-93	
94	50371372	Hà Thị Đức	02/09/1991	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-94	
95	50371417	Hà Thị Phương Thảo	05/04/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-95	
96	50371425	H Yar Hmok	01/02/1997	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-96	
97	50371436	Hà Ngọc Tân	01/08/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-97	
98	50371443	Hà Thị Tiên	17/08/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-98	
99	50371534	Trương Công Vững	19/05/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-99	
100	50371588	Vũ Thị Ba	17/07/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-100	
101	50373634	Lục Thị Tuyết	29/01/1995	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-101	
102	50373751	Lê Thị Quỳnh	18/07/1998	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-102	
103	50373919	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-103	
104	50373934	Lò Văn Thảo	14/03/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-104	
105	50373986	Vi Thuý Duyệt	28/04/1993	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-105	
106	50202017	Hà Văn Chiến	27/02/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-106	
107	50202024	Bùi Văn Hương	04/02/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-107	
108	50202088	Lương Thị Động	05/06/1993	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-108	
109	50202125	Bùi Văn Hợ	11/09/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-109	
110	50202164	Lang Thị Thùy Trang	03/09/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-110	
111	50202289	Cầm Thị Thanh Mai	28/04/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-111	
112	50202343	Dương Thị Hiền	01/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-112	
113	50818833	Vũ Văn Mạnh	19/04/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K13SN07-113	

